TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-HẢI PHÒNG** Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST Ngày: 30/01/2026 V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nguyễn Trọng Bộ và ông Nguyễn Văn Đoàn.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 145/2025/TLST-HNGĐ, ngày 01/10/2025, về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXX-ST ngày 18/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST-HNGĐ, ngày 08/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mùi Thị H, sinh ngày 20/10/1988, CCCD số 014188014964. Nơi cư trú: Bản N, xã T, tỉnh Sơn La.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Bá H1, sinh ngày 03/5/1981, CCCD số 030081015893. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường N, thành phố Hải Phòng.

(*Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Mùi Thị H trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Bá H1 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn ngày 04/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chị ở tỉnh Sơn La được một - hai năm. Sau khi chị sinh con thứ hai được hơn một tháng, tức là khoảng tháng 3/2013 thì anh H1 bỏ về quê K, Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng) sinh sống và không quan tâm gì tới mấy mẹ con chị, anh H1 không bao giờ hỏi han, thăm nom và hoàn toàn vô trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2013 đến nay. Những năm tháng ly thân, anh H1 chỉ biết chơi bời rượu chè, ma túy và cũng đã phải nhiều lần đi tù

vì ma túy. Hiện nay anh H1 đã về nhà ở cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị C ở tổ dân phố T, phường N, thành phố Hải Phòng nhưng anh H1 vẫn không đoái hoài gì tới mấy mẹ con chị.

Nay chị xét thấy vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân chị là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường), để ổn định cuộc sống, nuôi con ăn học, chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Phạm Bá T, sinh ngày 02/10/2009 và Phạm Bá Y, sinh ngày 10/01/2013. Cả hai con chung đều đang ở cùng chị từ khi các cháu mới sinh. Sau ly hôn, chị xin được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị lao động tự do, thu nhập bình quân 8 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, cán bộ Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương nhiều lần đến nhà anh H1 giao các văn bản tố tụng và làm việc với anh H1 nhưng anh H1 đều vắng mặt; xác minh tại Công an phường N, thành phố Hải phòng, được ông Lê Văn P là Công an phường và ông Nguyễn Công T1 là Phó Trưởng Công an phường cung cấp: Anh Phạm Bá H1, sinh ngày 03/5/1981, Căn cước công dân số 030081015893, có đăng ký thường trú và hiện cư trú tại tổ dân phố T, phường N, thành phố Hải Phòng; ngày 05/11/2025, ông Nguyễn Văn H2, là Tổ trưởng tổ dân phố Tống Xá cung cấp: Anh Phạm Bá H1, sinh năm 1981, có đăng ký thường trú tại Tổ dân phố T, phường N, thành Phố Hải Phòng. Mấy năm trước anh H1 có đi chấp hành án tù, sau khi ra tù, anh H1 có về địa phương một thời gian rồi đi làm ăn xa, cách đây khoảng 02 tháng, anh H1 về chịu tang bố đẻ, sau đó lại đi làm ăn xa, ở đâu thì địa phương không nắm được; chị Mùi Thị H là vợ anh hai hiện không sinh sống cùng anh H1 tại tổ dân phố T trên 10 năm nay, thời gian cụ thể địa phương không nắm rõ.

Ông Phạm Bá V, sinh năm 1951, là bác ruột anh H1 cung cấp: Ông là bác ruột và nhà ở liền kề nhà anh H1. Ngày 14/12/2025, anh H1 có về cúng 100 ngày cho bố đẻ, sau đó lại đi làm thợ xây, anh H1 nói đi làm thuê ở Thành Phố Hà Nội; chị H là vợ anh H1 không ở cùng anh H1 nhiều năm nay.

Tòa án đã gửi các Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H1 và gửi qua Ủy ban nhân dân phường N, qua Bưu điện, đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản trên theo thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi ý kiến gì.

Tại phiên tòa:

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh H1; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung, chị

tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H1 vắng mặt và không có ý kiến gì.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H, tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H1. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.Giao cả hai con chung Phạm Bá T, sinh ngày 02/10/2009 và Phạm Bá Y, sinh ngày 10/01/2013 cho chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H1 được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H1 vắng mặt và không có ý kiến gì.

Sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm đối với chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về quyền được trợ giúp pháp lý:* Chị Mùi Thị H là người dân tộc M, sống tại xã V, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được Trợ giúp pháp lý theo quy định. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và lời khai của chị trong quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định chị có đủ trình độ, đủ khả năng tham gia tố tụng giải quyết mọi việc liên quan đến vụ án kiện xin ly hôn của chị với anh H1 nên chị từ chối mời Luật sư, từ chối Trợ giúp pháp lý. Căn cứ Điều

70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không mời Trợ giúp pháp lý.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Chị Mùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Bá H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Mùi Thị H kết hôn với anh Phạm Bá H1 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 04/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Sơn La, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh H1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh H1 không quan tâm tới gia đình, vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân và đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2013 đến nay. Chính quyền địa phương Tổ dân phố T, phường Nguyễn Đại N cũng như người thân của anh H1 xác nhận vợ chồng chị H, anh H1 không ở cùng nhau trên 10 năm nay; cháu Phạm Bá T và Phạm Bá Y, là con anh H1 và chị H cũng khai: Cháu chỉ biết ở cùng mẹ tại bản Nà Lồi, xã T, tỉnh Sơn La, không ở cùng bố từ khi cháu mới sinh ra chưa biết gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H1 và gửi qua Ủy ban nhân dân phường N, qua Bưu điện, đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản trên theo thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến gì. Việc anh H1 không đến Tòa án làm việc chứng tỏ anh không còn yêu thương, mong muốn chị H về đoàn tụ.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị H và anh H1 có hai con chung là Phạm Bá T, sinh ngày 02/10/2009 và Phạm Bá Y, sinh ngày 10/01/2013. Cả hai con chung đều đang ở cùng chị H từ khi các cháu mới sinh. Sau ly hôn, chị H xin được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị lao động tự do, thu nhập bình quân 8 triệu đồng/tháng. Cháu Phạm Bá T và Phạm Bá Y đều xin được ở cùng chị H; bản thân anh H1 không ở cùng, không nuôi dưỡng, chăm sóc các con trong khoảng thời gian nhiều năm khi các cháu còn nhỏ dại và khi Tòa án giải quyết vụ án, anh cũng không có mặt để có ý kiến về việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ điều kiện

của anh H1 và chị H và để đảm bảo quyền lợi và ý nguyện của các con muốn được ở cùng chị H, xét nên giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung đến khi mỗi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, là phù hợp.

Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H1 vắng mặt và không có ý kiến gì.

Sau này các đương sự nếu có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

[6] *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn anh H1 nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy chị là người dân tộc M, sống tại xã V, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn án phí nên miễn án phí sơ thẩm ly hôn đối với chị H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mùi Thị H được ly hôn anh Phạm Bá H1.

3/ Về con chung: Giao cho chị Mùi Thị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là Phạm Bá T, sinh ngày 02/10/2009 và Phạm Bá Y, sinh ngày 10/01/2013 đến khi mỗi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

4/ Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm đối với chị H. Trả lại chị Mùi Thị H 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E số: 0002540 ngày 23 tháng 9 năm 2025.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H và anh H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND khu vực 10-Hải Phòng;*
- *Phòng THADS khu vực 10-Hải Phòng;*
- *UBND xã Tô Múa, tỉnh Sơn La*

(Để vào sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn);
- *Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung